SAO Y; Sở Tài nguyên và Môi trường; Thời gian ký: 16/04/2024 09:38:56 +07:00

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 182 /QĐ-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách Quý I năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Phụ trách phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu - chi ngân sách Quý I năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ Quyết định công bố công khai, Chánh Văn phòng Sở có trách nhiệm công khai tại bảng thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Thông tin có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phụ trách phòng Kế hoạch - Tài chính và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- TTCNTT;
- Lưu: VT,KHTC02b.Tan 07b.

D:\Tan\2024\QD\congkhai

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Ngọc Thường

Đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường
Chương 426

CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 182 /QĐ-STNMT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện Quý 1-2024	Ước thực hiện Quý 1-2024/dự toán năm (tỷ lệ %)
A	**Dự toán thu**			
I	**Tổng số thu**	**108.259**	**24.490**	**22,62%**
	Thu phí, lệ phí	**108.259**	**24.490**	**22,62%**
-	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	60		0,00%
-	Lệ phí cấp giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất	2.883	385	13,35%
-	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	18.700	5.499	29,41%
-	Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản	15		0,00%
-	Phí thẩm định đề án; báo cáo thăm dò, xã thải, khai thác, sử dụng tài nguyên nước	733	41	5,63%
-	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	4.000	1.507	37,66%
-	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định giấy phép môi trường	1.100	99	9,03%
-	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	76.613	16.161	21,09%
-	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (thu của tổ chức)	60	19	31,67%
-	Phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai	4.053	779	19,22%
-	Phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc bản đồ	10		0,00%
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ	12		0,00%
-	Phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường	20		0,00%
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại phục vụ cho hoạt động thu phí**	**99.170**	**20.633**	**20,81%**
III	**Số thu nộp NSNN**	**9.089**	**1.908**	**20,99%**
	Phí, lệ phí	**9.089**	**1.908**	**20,99%**
-	Lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản	60	0	0,00%
-	Lệ phí cấp giấy CNQSDĐ	2.883	385	13,35%

TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện Quý 1-2024	Ước thực hiện Quý 1-2024/dự toán năm (tỷ lệ %)
-	Phí thẩm định trữ lượng khoáng sản	15	0	0,00%
-	Phí thẩm định đề án; báo cáo thăm dò, xã thải, khai thác, sử dụng tài nguyên nước	733	41	5,63%
-	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	3.000	1.130	37,66%
-	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định giấy phép môi trường	1.100	99	9,03%
-	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (thu của tổ chức)	60	19	31,67%
-	Phí khai thác sử dụng tài liệu đất đai	1.216	234	19,22%
-	Phí khai thác và sử dụng tư liệu đo đạc bản đồ	4		0,00%
-	Phí thẩm định cấp phép hoạt động đo đạc và bản đồ	12		0,00%
-	Phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường	6		0,00%
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**87.470**	**3.735**	**4,27%**
I	**Kinh phí hành chính**	**22.079**	**3.524**	**15,96%**
1	**Tự chủ**	**20.363**	**3.524**	**17,31%**
-	Chi cho con người	12.875	2.646	20,55%
-	Chi hoạt động	7.488	878	11,73%
2	**Không tự chủ**	**1.716**	**0**	0,00%
-	Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động thu phí	990		0,00%
-	Kinh phí trang phục thanh tra	70		
-	Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính	270		
-	Mua sắm trang thiết bị văn phòng	196		0,00%
-	Kinh phí chi trả nhuận bút, thù lao và tạo lập trang thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở	100		0,00%
-	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	90		0,00%
II	**Sự nghiệp kinh tế**	**15.669**	**171**	**1,09%**
III	**Sự nghiệp Môi trường**	**49.722**	**40**	**0,08%**